

CHÍNH QUYỀN CHÚA NGUYỄN XÁC LẬP VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN Ở VÙNG BIỂN NAM BỘ THẾ KỶ XVII-XVIII

Nguyễn Đình Cơ¹

1. Khái lược về vùng biển Nam Bộ trong lịch sử

Bờ biển phía Nam dài 974km với 9 tỉnh thành giáp biển (Bà Rịa - Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang. Khu vực này có 3 huyện đảo: Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Kiên Hải, Phú Quốc (Kiên Giang) với 195 hòn đảo, diện tích 693km², chia làm 5 cụm đảo: Côn Đảo, Hòn Khoai, Kiên Hải, Kiên Lương - Hà Tiên, Phú Quốc. Riêng tỉnh Kiên Giang có 105 đảo, trong đó có 43 đảo có người ở và 5 quần đảo, lớn nhất là quần đảo Phú Quốc với diện tích 573km². Ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên, khu vực Nam Bộ đã là trung tâm của vương quốc Phù Nam có trung tâm đặt tại thương cảng Óc eo – Ba Thê (Thoại Sơn, An Giang). Trong các thế kỷ I-III Phù Nam đã là một vương quốc hướng biển mạnh mẽ, đầu mối giao thương quan trọng từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương. Thuyền buôn của các nước trong khu vực (Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Nam Dương...) cho đến các nước phương Tây (Hi Lạp, La Mã) đều đặt chân đến thương cảng Óc Eo để trao đổi hàng hóa³. Điều này đã góp phần tạo nên sự cường thịnh của đế chế biển Phù Nam trong thế đối sánh với các vương quốc cổ trong khu vực. Sự thịnh vượng của Phù Nam được phản ánh qua số lượng phong phú các hiện vật khảo cổ được tìm thấy mà phần lớn trong số chúng là những vật phẩm thương mại giá trị. Rất nhiều trong số chúng có nguồn gốc ngoại lai từ Rome, Ấn Độ, Trung Hoa và các khu vực thuộc Đông Nam Á: từ các đồng tiền, chuỗi hạt đá quý, thủy tinh, đồ kim loại, đồ trang sức vàng, ngọc, các vật phẩm tôn giáo như lá

¹ ThS. Trường CĐSP Trung ương thành phố Hồ Chí Minh

² Phan Thị Yên Tuyết, 2014, *Đời sống xã hội – kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.20.

³ Nhiều nhà nghiên cứu của thế giới thậm chí còn gọi đây là thời kỳ “toàn cầu hóa đầu tiên” và Phù Nam là một mắt xích trong hệ thống đó.

vàng khắc chữ Sanskrit, hay khối lượng phong phú hình các linga, tượng thờ...⁴. Thế kỷ VII, vương quốc cổ Phù Nam suy yếu. Lợi dụng cơ hội đó, Chân Lạp vốn là thuộc quốc của Phù Nam đã tấn công và thôn tính đất đai của vương quốc này (trong đó có vùng đất nay là Nam Bộ). Tuy nhiên do đặc tính cư trú và sản xuất không phù hợp nên trong suốt 10 thế kỷ (thế kỷ VII cho tới thế kỷ XVII), vùng đất Nam bộ về cơ bản vẫn là một vùng đất rất hoang sơ, chưa được mở mang, khai khai phá nhiều, đặc biệt là vùng biển nơi đây gần như không có người sinh sống. Điều này điều này được phản ánh khá rõ nét trong mô tả của Châu Đạt Quan, sứ thần được nhà Nguyên khi đi qua vùng biển Nam Bộ để vào kinh đô Angko (Chân Lạp) vào thế kỷ XIII⁵. Đến thế kỷ XVII, vùng đất này càng trở nên hoang vu hơn do sự suy yếu của chính quyền Chân Lạp. Sự bất ổn trong nội bộ khiến cho triều đình Chân Lạp không thể với tay cai quản vùng đất Thủy Chân Lạp (tương ứng với Nam bộ ngày nay). Theo miêu tả của Lê Quý Đôn, ở thế kỷ XVIII, thì ở các cửa biển Cần Giờ (ở Đông Nam Bộ) và cửa Đại, cửa Tiểu (Tây Nam Bộ) gần vắng bóng người⁶. Rõ ràng, Nam Bộ là một vùng đất được quản lý lỏng lẻo, đặc biệt ở vùng biển đảo, gần như là “vô chủ” trước khi cư dân người Việt đặt chân đến khai phá.

2. Quá trình xác lập chủ quyền ở vùng biển Nam Bộ

Đến giữa thế kỷ XVII, bằng nhiều con đường khác nhau, chủ yếu là theo đường biển, lưu dân người Việt từ vùng Thuận Quảng đã đặt chân lên vùng đất Mô Xoài (Bà Rịa) và Đồng Nai từ đó tỏa đi khai khẩn đất đai, lập làng xóm khắp vùng đất Đông Nam Bộ rồi tiến xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long phì nhiêu. “*Lúc ấy địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai (nay là trấn Biên Hòa) tại hai xứ ấy có dân nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình, họ đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác, chẳng dám tranh chấp*

⁴ Xem: Vũ Đức Liêm, “Phù Nam – huyền thoại và sự thật”, <http://nghiencuuquocte.org/2017/11/03/phu-nam-huyen-thoai-va-nhung-van-de-lich-su/> cập nhật ngày 3/11/2017.

⁵ Châu Đạt Quan. (2006), *Chân Lạp phong thổ kí*. Nxb Thế giới. Hà Nội. tr. 80.

⁶ “*Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các biển Cần giờ, Lôi Lạp, Cửa Đại, cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm*” [Lê Quý Đôn. (2007). *Phủ biên tạp lục*. Viện Sử học dịch. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội. tr. 243]

điều gì”⁷. Họ tích cực khai phá đất đai, vỡ đất làm ruộng, kết thành xóm làng, tạo tiền đề cho quá trình nhà nước xác lập chủ quyền sau này.

Cùng với quá trình khai phá trên đất liền, những lưu dân người Việt đã đặt chân đến những đảo và quần đảo ở khu vực biển Đông. Trước tiên là bởi người Việt vào Nam Bộ đa phần đi theo đường biển từ vùng ngũ Quảng vượt qua vùng biển Champa để vào đây, nên chắc chắn trong họ đã có tâm thức hoàn toàn khác với ông cha trong giai đoạn trước đó (tâm thức gắn với biển). Theo ghi chép: Mô Xoài - Bà Rịa nơi đầu tiên của người Việt đến định cư, khai phá đất đai. Và một điều chắc chắn người Việt đã bắt đầu đặt chân tới các đảo xung quanh khu vực này từ thế kỷ XVII. Quá trình xác lập chủ quyền trên biển của người Việt chính thức bắt đầu, gần như đồng hành cùng với quá trình xác lập trên đất liền. Năm 1623, chúa Nguyễn cử một phái bộ đến Oudong yêu cầu được lập 2 sở thu thuế ở Prey Kôr (Sài Gòn) và Kas Krobei (Bến Nghé), và một khu dinh điền ở Mô Xoài đồng thời cử quan quân đến đây trấn giữ. Theo Henri Russier (1914): Các đại sứ từ Huế, mang theo rất nhiều món quà, đã đến Oudong, nơi nhà vua cư ngụ. Họ xin phép vua Chân Lạp cho phép chính quyền Đàng Trong đưa nông dân và thương nhân đến định cư trong khu vực mà ngày nay là Sài Gòn, lúc đó là cuối phía nam của Chân Lạp. Hoàng hậu tha thiết xin chồng rằng yêu cầu của đồng bào đã được đón nhận và nhà vua Chey Chettah cuối cùng đã nhượng bộ (tr.83-84)⁸. Về vị trí cụ thể của 2 trạm thu thuế hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất hoàn toàn, nhưng một điều chắc chắn đó là 2 địa điểm trên bến dưới thuyền, thuận lợi cho đường đi ra biển của người Việt, cùng với khu dinh điền ở vị trí gần biển “địa đầu của xứ Biên Hòa” của Mô Xoài tạo nên thế hướng biển của lưu dân người Việt ngay từ đầu.

⁷ Trịnh Hoài Đức. (2005). *Gia Định Thành Thông Chí*. bản dịch của Lý Việt Dũng. Nxb Tổng Hợp Đồng Nai. Tr. 109.

⁸ “Dès 1623, des ambassadeurs venant de Hué et portant de riches présents arrivèrent à Oudong où résidait le roi : ils demandaient de la part du Seigneur du Sud l'autorisation d'installer des cultivateurs et des commerçants dans la région où se trouve aujourd'hui Saigon et qui constituait alors l'extrémité méridionale du Cambodge. La reine insista auprès de son mari pour que la demande de ses compatriotes fut bien accueillie et le roi Chey Chettah finit par céder: ce fut le premier empiètement des Annamites sur le territoire du Cambodge” (Henri Russier, 1914, tr.83-85).

Bên cạnh lực lượng người Việt, thời gian này, những người người Hoa “phản Thanh phục Minh” cũng đặt chân đến vùng đất Gia Định, hợp sức cùng với các cộng đồng cư dân đã định cư trước ở đây, vỡ đất, lập chợ xây dựng vùng đất này trở nên trù phú, sầm uất hơn. Sự kiện 1679: không phải ngẫu nhiên chúa Nguyễn sắp xếp cho 2 lực lượng người Hoa định cư ở Bàn Lân và Mỹ Tho, án ngữ cả đường bộ và đặc biệt là đường biển ở khu vực. Theo miêu tả của Nguyễn Khoa Chiêm, Lê Quý Đôn, cũng như Trịnh Hoài Đức có thể thấy, sau khi: đoàn quân tướng Long Môn thất bại trong phong trào “phản Thanh phục Minh” đã tìm đến Đàng Trong xin lệ thuộc, chính quyền chúa Nguyễn đã cho người chỉ dẫn cho đội quân này đến định cư ở vùng Giản Phố (Gia Định), khai phá đất đai, đặt nền móng cho quá trình sáp nhập vùng đất Nam Bộ⁹. Đội quân của Trần Thượng Xuyên theo đường biển vào cửa Cần giờ vào đóng ở Bàn Lân (trung tâm Biên Hòa ngày nay), sau đó chuyển xuống khu vực Cù Lao Phố (một cảng sông cách đó chừng 5 km)¹⁰. Khi Trần Thượng Xuyên đến vùng đất Đồng Nai nói chung và Cù Lao Phố nói riêng đã được hình thành, lưu dân người Việt đã định cư, khai phá đất đai và bước đầu lập nên những thôn ấp ở đây. Với kinh nghiệm của một thương nhân (và cướp biển) đã lăn lộn khắp vùng Nam Trung Hoa và hạ lưu sông Mekong, Trần Thượng Xuyên đã chiêu tập thêm dân lưu tán từ các nơi tập trung đến vùng ngã ba sông Cù Lao Phố, xây dựng nơi đây thành một đô thị sầm uất ở đầu thế kỷ XVIII. Trịnh Hoài Đức (2005) ghi chép lại như sau: “*Họ lo mở mang đất đai, lập thành phố chợ, giao thông buôn bán. Tàu thuyền người Hoa, người Phương Tây, người Nhật, người Đồ Bà (Chà Và) tụ tập tấp nập, phong hóa Trung Quốc dần dần lan ra thấm đượm cả vùng Đông Phố.*”¹¹.

⁹ “*Bọn tướng Long Môn họ Dương đem binh thuyền tiến nhanh vào cửa Xoài Rạp và cửa Đại, cửa Tiểu dừng trú tại xứ Mỹ Tho. Bọn tướng các xứ Cao, Lôi, Liêm họ Trần thì đem binh thuyền vào cửa Cần Giờ. Trần Thượng Xuyên theo cửa biển Cần Giờ rồi đồn trú tại xứ Bàn Lân thuộc Đồng Nai*” [Trịnh Hoài Đức. (2006). *Gia Định thành thống chí*. Lý Việt Dũng dịch, Nxb Đồng Nai. Biên Hòa. tr. 20-21]

¹⁰ Đây là khúc quanh của sông Đồng Nai bị chia thành 2 nhánh ôm trọn một dải đất phù sa, tuy nằm cách biển nhưng là nơi nước sâu, thuận lợi cho tàu bè đi lại.

¹¹ Trịnh Hoài Đức. (2005). *Gia Định Thành Thông Chí*. bản dịch của Lý Việt Dũng. Nxb Tổng Hợp Đồng Nai. Tr.

Đối với lực lượng của Dương Ngạn Địch, chúa Nguyễn Phúc Tần đã cho người (Xá sai Văn Trinh) đưa lực lượng này đến cửa Soài Rạp vào định cư ở Mỹ Tho. Chính quyền chúa Nguyễn đã nghiên cứu kĩ lưỡng vùng đất Giản Phố (Nam Bộ ngày nay) và đưa lực lượng người Hoa này vào vùng đất vốn đã có người Việt định cư đông đảo (thậm chí phải là lực lượng nòng cốt) nhằm phục vụ cho quá trình sáp nhập vào giai đoạn sau. Đặc biệt vùng Mỹ Tho là nơi có vị trí quan trọng ở vùng biển Nam Bộ. Theo "Địa phương chí Mỹ Tho 1902" (Monographie de Mỹ Tho 1902), người Pháp đã cho rằng: ... *"Vị trí của Mỹ Tho thật tuyệt diệu. Nó chiếm một vị thế trung chuyển quan trọng vào bậc nhất cho các loại ghe chài to lớn từ miền Tây lên Chợ lớn (Sài Gòn) qua con kinh Bảo Định và con kinh Chợ Gạo. Mỹ Tho lại có con đường sắt đầu tiên của Đông Dương, con đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho và con đường thủy nối liền Sài Gòn và các tỉnh miền Tây lên tận Pnôm Penh qua bến Tàu Lục Tỉnh Mỹ Tho"*¹²... Từ đây Đàng Trong đã tạo nên gạch nối giữa vùng Đông Nam Bộ (Giản Phố, xứ Đồng Nai) với vùng hạ lưu của sông Mekong, tạo nên thế và lực quan trọng để chính quyền chúa Nguyễn tiến xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long trù phú, cũng như vùng biển phía Tây Nam biển Đông.

Sự kiện năm Mậu Dần (1698), Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh định ra địa giới hành chính của Trấn Biên và Phiên Trấn, chính thức sáp nhập Đông Nam Bộ vào lãnh thổ Đàng Trong. Chắc chắn trong quá trình thực thi chủ quyền không chỉ diễn ra trên đất liền mà khu vực biển và các đảo gần bờ cũng đã được chính quyền Đàng Trong chú ý. Vì vậy chỉ sau 5 năm (1703) khi công ty Đông Ấn chiếm Côn Đảo, quân đội của dinh Trấn Biên đã nhanh chóng phát hiện và báo về Phú Xuân, chúa Nguyễn đã giao cho Trấn thủ Trương Phúc Phan dẹp tan đội quân này.

Đối với vùng biển Tây Nam Bộ, trong 7 xã thôn mà Mạc Cửu tập trung lưu dân khai khẩn được trong đó có Phú Quốc và các đảo ngoài khơi ở Vịnh Thái Lan¹³. Mạc Cửu

¹² Hội nghiên cứu Đông Dương (2017), *Chuyên khảo về tỉnh Mỹ Tho*, tập IV (1902), Nguyễn Nghi, Nguyễn Thanh Long dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh

¹³ Cuối thế kỷ XVII, ở cực Nam của vùng đất Tây Nam Bộ lúc này cũng xuất hiện một lực lượng người Hoa *phản Thanh phục Minh* xây dựng thế lực ở đây. Ban đầu Mạc Cửu ở kinh đô Udon của Chân Lạp, sau đó được phong làm quan Oknha ở vùng Lũng Kỳ và khoảng năm 1700 nhận thấy tiềm năng của vùng đất Mang Khảm (Hà Tiên) ông dời tới đó. Họ Mạc đã tổ chức lưu dân khai khẩn đất đai và lập nên 7 xã thôn, gồm: Mang Khảm (Peam), Long Kỳ

chính là người có công khai sáng, định hình nên vùng đất Hà Tiên (bao gồm Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau, Phú Quốc và cả một phần của Campuchia). Nằm ở vị trí hiểm yếu, giao điểm quyền lực của các vương quốc ở Đông Nam Á thời gian này (Xiêm, Chân Lạp, Đàng Trong, Java), ngay từ khi mới hình thành Hà Tiên đã trở thành nơi tranh giành ảnh hưởng quyết liệt giữa các quốc gia. Để có thể giữ vững thành quả, bảo vệ quyền lực vốn có của mình ở vùng đất Hà Tiên trước tham vọng thôn tính của nước Xiêm, họ Mạc buộc phải dựa vào một lực lượng khác làm đối trọng. Mạc Cửu tìm đến với chúa Nguyễn vào năm 1708 chính vì mục đích này. Sự kiện Mạc Cửu dâng vùng đất của mình khai phá được và xin làm phiên thuộc của Đàng Trong là một sự kiện trọng đại không chỉ với vùng đất Hà Tiên nói riêng mà của Nam Bộ nói chung. Cùng với Gia Định, Đồng Nai, Hà Tiên trở thành một trong ba đỉnh của tam giác Việt Nam ở Nam Bộ, đồng thời là một tiền trạm chiến lược phía Tây sông Hậu, tạo ra cái thế không thể dừng trong cuộc khai thác phương Nam. Đối với vùng biển, đảo, với việc Hà Tiên được sáp nhập vào Đàng Trong, chính quyền chúa Nguyễn đã nối vùng biển ở Đông Nam Bộ với vùng biển Tây Nam biển Đông kéo dài cho tới vịnh Thái Lan, tạo nên thế hướng biển mạnh mẽ đối với vùng lãnh thổ của mình¹⁴. Theo *Đại Nam thực lục*: “Mậu tý, năm thứ 17 [1708], Lã Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên. Cửu người Lôì Châu, Quảng Đông. Nhà Minh mất, để tóc chạy sang phương Nam, đến nước Chân Lạp làm chức ốc Nha, thấy phủ Sài Mạt ở nước ấy có nhiều người buôn các nước tụ họp, bèn mở sòng gá bạc để thu thuế gọi là hoa chi, lại được hỏ bạc chôn nên thành giàu. Nhân chiêu tập dân xiêu dạt đến các nơi Phú Quốc, Càn Bột, Gia Khê, Luống Cày, Hương Úc, Cà Mau (thuộc tỉnh Hà Tiên) lập thành 7 xã thôn”¹⁵. Qua sự kiện này có thể thấy chính sách rất khôn khéo của chính quyền chúa Nguyễn trong việc sử dụng lực lượng người Hoa để xác lập và thực thi chủ quyền không

(Ream), Càn Bột (Kampot), Hương Úc (Kompong Som), Sài Mạt (Cheal Meas), Linh Quỳnh (Rạch Giá) và Phú Quốc (Koh Tral)

¹⁴ Theo Trịnh Hoài Đức thì vùng Gia Định (Nam Bộ) có chỉ số biển tương đối cao: “*Gia Định là đất Chân Lạp xưa, phía đông nam giáp với biển, có tất cả 17 hải cảng lớn, đó là: Xích Ram, Tắc Ký, Càn Giò, Đồng Tranh, Lôì Lạp (Sỏi Rạp), Cửa Đại, Cửa Tiểu, Ba Lai, Bãng Côn (Cung), Ngao Châu, Cổ Chiên, Ba Thắc, Mỹ Thanh, Hào Bàn (Gành Hào), Long Xuyên, Kiên Giang và Hà Tiên, còn các cửa nhỏ thì nhiều gấp đôi.*” [Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thống chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, tr. 10].

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nxb giáo dục, tr.122

chỉ trên đất liền mà còn trên biển ở Nam Bộ. Theo bộ sử nhà Nguyễn thì năm 1711, Mạc Cửu tự mình ra Phú Xuân trực tiếp tạ ơn, chúa Nguyễn đã “*hậu thưởng. Sai đo bãi cát Trường Sa dài ngắn rộng hẹp bao nhiêu*”¹⁶

3. Quá trình thực thi chủ quyền ở vùng biển đảo Nam Bộ

3.1. Hoạt động của đội Hoàng Sa và Bắc Hải

Ngay từ đầu trong quá trình xây dựng đất Thuận – Quảng, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã chú ý đến việc xác lập chủ quyền ở trên vùng biển, đảo. Đội Hoàng Sa được tổ chức với nhiệm vụ hàng năm ra các đảo ngoài khơi thuộc bãi Cát Vàng (Hoàng Sa, Trường Sa) tìm kiếm, khai thác sản vật. Lê Quý Đôn miêu tả rất cụ thể: “*Trước kia họ Nguyễn đặt đội Hoàng-sa 70 xuất, lấy người ở Vĩnh-an điền vào chân ấy, thay phiên cứ hằng năm tháng ba nhận giấy hành sai, phải mang lương 6 tháng, đem 5 chiếc thuyền câu nhỏ ra bể ba ngày ba đêm mới đến hải đảo, ở lại đấy tùy ý tìm kiếm, bắt chim, cá làm đồ ăn, các thứ kiếm được tảo vật, các vật ở tàu đi bể bị đắm mà trôi ra như bạc, đồng, thiếc, đồ sứ, ngà voi, guơng, súng, sáp ong cùng đôi môi, hải ba, hải sâm, văn loa lạp rất nhiều. Đến tháng tám là kỳ hẹn được về, vào cửa Eo (Yêu-môn) đến thành Phú-xuân đệ nạp. Sau khi đã được khám nghiệm, cân xong và định hạng rồi, mới cho phép bán riêng các vật như văn loa, hải ba, hải sâm và cấp giấy cho về, cũng có người không kiếm được gì, cũng có người được ít, được nhiều không nhất định. Xét ở sổ biên của cựu cai đội đực hầu : năm giáp ngọ nhật được bạc 30 hốt, năm giáp thân được thiếc 5.100 cân, năm Ất Dậu được bạc 126 hốt, có nhiều năm được đôi môi, hải ba và súng đồng, khối thiếc ít nhiều.*”¹⁷. Xét số sản vật thu được mà Lê Quý Đôn thống kê qua các năm của đội Hoàng Sa qua các năm thì có thể thấy con số không đáng kể¹⁸, cho thấy mục đích chính của đội này không phải là vì kinh tế mà quan trọng là xác lập và thực thi chủ quyền ở vùng biển

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nxb giáo dục, tr.110

¹⁷ Lê Quý Đôn. (2007). *Phủ biên tạp lục*. Viện Sử học dịch. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, tr.155.

¹⁸ Thậm chí Lê Quý Đôn còn cho rằng: sản vật “*lượm được nhiều ít không nhất định, có khi về không*” [Lê Quý Đôn. (2007). *Phủ biên tạp lục*. Viện Sử học dịch. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, tr.155]

của chúa Nguyễn. Điều này là phù hợp với tư duy hướng biển của chính quyền chúa Nguyễn. Và cùng với quá trình mở rộng khai phá xuống phía Nam, phạm vi hoạt động của của đội Hoàng Sa càng mở rộng. chúa Nguyễn Phúc Chu đã quyết định lập thêm đội Bắc Hải. Cũng theo tác giả *Phủ biên tạp lục*: “*Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận, hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng tiền tuần đò, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của các tàu và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản*”¹⁹. Có thể thấy nếu như đội Hoàng Sa quản lý thực thi chủ quyền ở vùng biển Trung Bộ thì đội Bắc Hải thực hiện nhiệm vụ của mình chủ yếu ở các đảo gần bờ và ngoài khơi Nam Bộ và cực Nam Nam Trung Bộ. Lê Quý Đôn không nêu rõ thời gian ra đời tuy nhiên một điều chắc chắn là đội này được thành lập dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (cầm quyền 1691-1725), thời kỳ mở cõi về phía Nam mạnh mẽ nhất. Như đã dẫn phần trước từ bộ sử nhà Nguyễn, sau khi họ Mạc xin sáp nhập vùng đất Hà Tiên vào Đàng Trong (1708) thì đến năm 1711, Mạc Cửu tự mình ra Phú Xuân trực tiếp tạ ơn, chúa Nguyễn đã “*hậu thưởng. Sai đo bãi cát Trường Sa dài ngắn rộng hẹp bao nhiêu*”²⁰. Đội Bắc Hải ra đời có thể sau sự kiện này không lâu. Việc ra đời và hoạt động của đội Bắc Hải có sự đóng góp quan trọng của Mạc Cửu và người kế tục chức Tổng trấn Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ.

3.2. Hoạt động bảo vệ, thực thi chủ quyền

Sự kiện Côn Đảo (1703)

Chính quyền Đàng Trong với chính sách chú trọng phát triển thương mại vì vậy luôn luôn thực hiện chính sách duy trì ổn định an ninh hàng hải trên biển Đông, tạo điều

¹⁹ Lê Quý Đôn. (2007). *Phủ biên tạp lục*. Viện Sử học dịch. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, tr.155.

²⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nxb giáo dục, tr.110

kiện cho tàu buôn ngoại quốc đi lại thuận lợi, thậm chí tiến hành cứu hộ tàu thuyền đi qua đây không may bị đắm.

Tuy nhiên đối với những trường hợp ngang nhiên xâm phạm chủ quyền chúa Nguyễn cũng sẵn sàng dùng vũ lực trấn áp để bảo vệ chủ quyền. Ở vùng biển Trung Bộ có sự kiện đánh tan đội quân cướp biển Nhật Bản do Bạch Tàn Hiễn Quý dẫn đầu vào năm 1585, hay sự kiện Thế tử Nguyễn Phúc Tần đánh tan đội quân của Hà Lan năm 1643... thì ở Nam Bộ có sự kiện quân đội Trấn Biên chiếm lại Côn Đảo từ tay thuowng nhân người Anh. Năm 1703, Công ty Đông Ấn Anh cho người chiếm Côn Lôn (Côn Đảo) và dự định biến nơi đây trở thành thương điểm, án ngữ con đường buôn bán từ Thái Bình Dương đi qua Ấn Độ Dương. Các sử gia nhà Nguyễn miêu tả: “*Giặc biển là người Man An Liệt (Tức người Anh) có 8 chiếc thuyền đến đậu ở đảo Côn Lôn. Trưởng là bọn Tô Thích Già Thi 5 người tự xưng là nhất ban, nhị ban, tam ban, tứ ban, ngũ ban cùng đồ đảng hơn 200 người, kết lập trại sách, của cải chứa đầy như núi, bốn mặt đều đặt đại bác. Trấn thủ dinh Trấn Biên là Trương Phước Phan (con Chương dinh Trương Phước Cương, lấy công chúa Ngọc Nhiễm) đem việc báo lên. Chúa sai Phước Phan tìm cách trừ bọn ấy*”²¹. Qua đoạn miêu tả của các sử gia nhà Nguyễn có thể thấy được chính quyền Đàng Trong đã có ý thức rất cao trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo. Và chỉ trong một thời gian ngắn, chính quyền dinh Trấn Biên đã tổ chức đánh tan được một đội quân tương đối mạnh, làm thất bại âm mưu của công ty Đông Ấn Anh²². Đây có thể coi là một chiến công đầu tiên trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo ở Nam Bộ của chính quyền dinh Trấn Biên nói riêng, cũng như Đàng Trong nói chung.

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nxb giáo dục, tr.99

²² Quốc sử quán nhà Nguyễn chép: “Mùa đông, tháng 10, dẹp yên đảng An Liệt. Trước là Trấn thủ Trấn Biên Trương Phước Phan mộ 15 người Chà Và sai làm kế trá hàng đảng An Liệt để thừa chúng sơ hở thì giết. Bọn An Liệt không biết. ở Côn Lôn hơn một năm không thấy Trấn Biên xét hỏi, tự lấy làm đặc chí. Người Chà Và nhân đêm phóng lửa đốt trại, đâm chết nhất ban, nhị ban, bắt được ngũ ban trói lại, còn tam ban, tứ ban thì theo đường biên trốn đi. Phước Phan nghe tin báo, tức thì sai binh thuyền ra Côn Lôn, thu hết của cải bắt được dâng nộp. Chúa trọng thưởng người Chà Và và tướng sĩ theo thứ bậc. Tên ngũ ban thì đóng gông giải đi, chết ở dọc đường. (Đại Nam thực lục, tr.100)

Họ Mạc bảo vệ vùng biển, đảo phía Tây Nam

Hà Tiên nằm ở vị trí vùng đệm của nhiều vương quốc trong khu vực, cửa ngõ trên con đường giao thương quốc tế, không chỉ Xiêm, mà các nước khác cũng có ý định nhòm ngó tấn công, thôn tính Hà Tiên. Họ Mạc đã có sự đề phòng cẩn trọng và tổ chức đánh bại các cuộc tấn công, bảo vệ vùng đất Hà Tiên. Sự kiện năm 1770, Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “Mùa thu tháng 7, lính trốn ở Hà Tiên là Phạm Lam họp đảng ở Vũng Úc và Cần Vọt cùng với người Chà Và là Vàng Ly Ma Lur và người Chân Lạp là Ốc nha Kê họp quân hơn 800 người và 15 chiến thuyền, chia đường thủy bộ đánh cướp Hà Tiên. Vừa tới ngoài lũy, Mạc Thiên Tứ đem quân chống cự, đánh tan được, đâm chết Phạm Lam ở giữa sông, bắt được Lur và Kê đem chém”²³. Rõ ràng Hà Tiên ở thế kỷ XVII-XVIII là trung tâm của các cuộc tranh chấp ở khu vực, trong bối cảnh quyền lực của chúa Nguyễn chưa được khẳng định tuyệt đối, vai trò của họ Mạc trong việc bảo vệ chủ quyền ở vùng đất cực Nam lại càng trở nên quan trọng.

Không chỉ bảo vệ trước nguy cơ tấn công từ hai nước láng giềng, họ Mạc còn có công trong việc đánh tan các lực lượng cướp biển bảo vệ bình yên cho vùng biển cực Nam của tổ quốc. Hà Tiên là một vùng đất trù phú, nhiều sản vật quý hiếm, lại nằm ở vị trí trọng yếu trên con đường hàng hải quốc tế, với địa thế hiểm trở nhiều núi non, hang động, cũng như các đảo chìm, đảo nổi, nên đã trở thành nơi trú ẩn, hoạt động của nhiều toán hải tặc. Nhận thức được điều này Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ đã chú trọng đến việc tổ chức quân bố phòng để chống lại thứ giặc nguy hiểm này: “Giặc biển Chà Và cũng bắt thằn lằn nấp ở các đảo để cướp của bắt người, cho nên xứ ấy đều sắm khí giới để phòng bị, mà thuyền tuần của lính trấn thì cứ đến mùa gió nam là tuần phòng cẩn thận, hơi sơ phòng một chút là có cướp ngay”²⁴. Lực lượng quân đội của họ Mạc đã đánh tan nhiều toán cướp nguy hiểm hoạt động ở vùng biển Đông trả lại sự yên bình và an toàn cho những đoàn thương thuyền và ngư dân đi qua nơi đây: năm 1747, Mạc Thiên Tứ sai

²³ Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nxb giáo dục, tr.174

²⁴ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thống chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, tr. 69

con rể là Ngũ Nhung, Cai đạo kỳ tài hầu Từ Hữu Dụng đem 10 chiến hạm tấn công đám “giặc biển là Ngụy Vũ Vương tên là Đức Bụng (người phủ Quy Nhơn)” “bắt được đảng hán 4 tên đem chém hết”²⁵; năm 1767, tiêu diệt cướp biển Hoắc Nhiên khét tiếng, Quốc sử quán nhà Nguyễn có ghi lại: cướp biển Hoắc Nhiên “Vây cánh ngày càng nhiều, có ý dòm ngó Hà Tiên. Quân đi tuần thám biết tình hình, Thiên Tứ mật sai quân tinh nhuệ, ngầm đến vây bắt”²⁶. Ngoài ra họ Mạc còn đánh bại các lực lượng phe đảng từ Trung Quốc luôn nhòm ngó và tìm mọi cách để đánh cướp vùng đất đô hội này. Điển hình như sự kiện năm 1749, Trần Thái một người Triều Châu tập hợp lực lượng ở núi Bạch Mã, ngầm mua chuộc, kết hợp với một số phần tử họ Mạc làm nội ứng. Mạc Thiên Tứ đã cho quân mai phục, đánh bại lực lượng loạn đảng, Trần Thái phải chạy sang Xiêm La”²⁷.

4. Kết luận

Trong quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ, chính quyền Đàng Trong đã chú ý đến việc xác lập và thực thi chủ quyền đối vùng biển, đảo gần như song song với những bước tiến trên đất liền. Sự phát triển của hoạt động thương mại, tư duy hướng biển khiến các chúa Nguyễn từ rất sớm đã nhận ra vai trò rất quan trọng của vùng biển đối với sự phát triển vùng lãnh thổ của mình. Những chính sách khéo léo nhưng kiên quyết trong việc bảo vệ, khuyến khích lưu dân người Việt, sử dụng lực lượng người Hoa, từng bước củng cố quân đội ở Gia Định... đã giúp chính quyền Đàng Trong từng bước xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền đối với vùng biển gần như vô chủ ở phía Nam biển Đông.

²⁵ Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thống chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb Đồng Nai, Biên Hòa, tr. 121

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nxb giáo dục, tr.121

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nxb giáo dục, tr.142

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Khoa Chiêm. (1990). *Nam Triều công nghiệp diễn chí*. Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch. Hà Nội: Nxb Đại Học giáo dục chuyên nghiệp.
2. Trương Minh Đạt. (2008). *Nghiên cứu Hà Tiên*. Tạp chí Xưa và Nay. Tp Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.
3. Trịnh Hoài Đức. (2005). *Gia Định thành thống chí*. Lý Việt Dũng dịch. Biên Hòa : Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
4. Lê Quý Đôn. (2007). *Phủ biên tạp lục*. Viện Sử học dịch. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
5. Henri Russier. (1914). *Histoire sommaire du royaume de Cambodge, des origines à nos jours*. Sai Gon: Imprimerie Commerciale C.Ardin
6. Hội nghiên cứu Đông Dương (2017), *Chuyên khảo về tỉnh Mỹ Tho*, tập IV (1902), Nguyễn Nghị, Nguyễn Thanh Long dịch, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh
7. Đỗ Quỳnh Nga. (2013). *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.
8. Châu Đạt Quan. (2006). *Chân Lạp phong thổ kí*. Hà Nội: Nxb Thế giới
9. Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nxb giáo dục.
10. Phan Thị Yến Tuyết. (2014). *Đời sống xã hội – kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh